

Số: 27/2020/QĐST-HNGĐ

*Bắc Mê, ngày 08 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N; Sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn V; Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn V.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**

- Quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Hoàng Văn V thỏa thuận.

Giao cho anh Hoàng Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hoàng Minh Đ; Sinh ngày 07/9/2013, chị Triệu Thị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Triệu Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không có: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị N tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ, chị Triệu Thị N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 07144 ngày 11/6/2020, chị Triệu Thị N được hoàn trả lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Hoàng Văn V không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện B;
- UBND xã M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện B (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
(Đã ký)

**Dương Văn Công**